

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay, được hỗ trợ bởi niềm tin của nhà đầu tư về triển vọng vĩ mô

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL đảo chiều tăng điểm trở lại, tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK Châu Á

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

ACB, HPG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chờ nhịp điều chỉnh rõ nét hơn trước khi mở lại các trạng thái ngắn hạn

11/12/2020

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,045.96 | +1.46 |
| VN30 | 1,008.65 | +1.45 |
| HĐTL VN30F1M | 1,008.10 | +0.61 |
| HNXIndex | 162.32 | +1.90 |
| HNX30 | 276.82 | +0.97 |
| UPCoM | 68.72 | +0.01 |
| USD/VND | 23,129 | -0.00 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.40 | +2 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.15 | +5 |
| Dầu (WTI, \$) | 47.10 | +0.68 |
| Vàng (LME, \$) | 1,835.96 | -0.03 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,045.96 (+1.46%)
KLGD (triệu CP) 414.9 (-24.0%)
GTGD (triệu US\$) 456.4 (-20.9%)

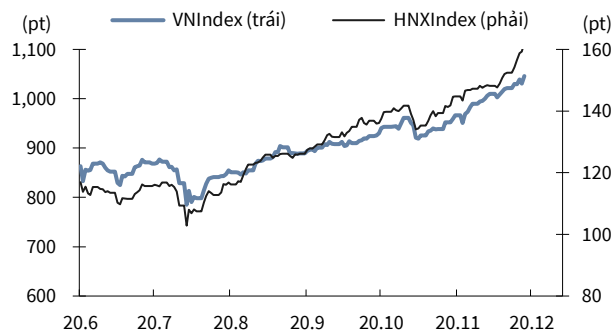
HNXIndex 162.32 (+1.90%)
KLGD (triệu CP) 54.2 (-26.4%)
GTGD (triệu US\$) 30.7 (-19.1%)

UPCoM 68.72 (+0.01%)
KLGD (triệu CP) 44.3 (-63.1%)
GTGD (triệu US\$) 24.6 (+0.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +3.0

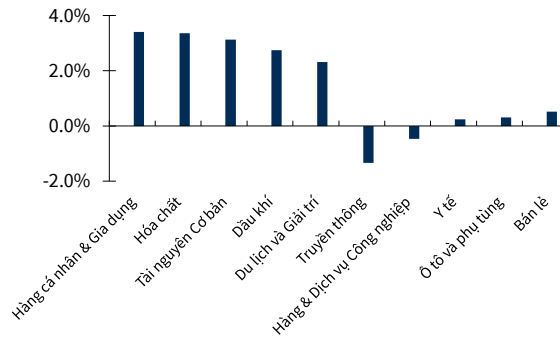
TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay, được hỗ trợ bởi niềm tin của nhà đầu tư về triển vọng vĩ mô sau khi ADB nâng dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam lên 2.3%, từ mức 1.8% trước đó. Nhóm cổ phiếu ngân hàng tăng giá trước thông tin trên ở CTG (+2.2%), BID (+4.2%). Thông tin Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua nghị quyết giảm 30% thuế bảo vệ môi trường cho nhiên liệu bay đến hết 2021 giúp cổ phiếu hàng không tăng giá ở VJC (+2%), HVN (+3.4%). Thông tin Việt Nam chuẩn bị kỳ kết hiệp định FTA với Anh giúp cổ phiếu các doanh nghiệp xuất khẩu tăng giá như dệt may với TCM (+1.5%), TNG (+2%), thủy sản với FMC (+2%), TS4 (+3.2%). Đánh giá lạc quan của Trưởng bộ phận nghiên cứu vĩ mô toàn cầu tại Viện Nomura, ông Rob Subbaraman, về triển vọng thu hút đầu tư FDI của Việt Nam giúp cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp tăng giá ở ITA (+0.2%), KBC (+0.6%). Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng nhẹ ở GMD (+3%), PAN (-1.8%), BVH (+1.4%).

VNIndex & HNXIndex



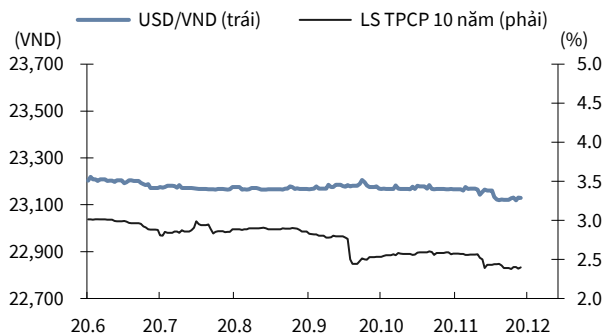
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



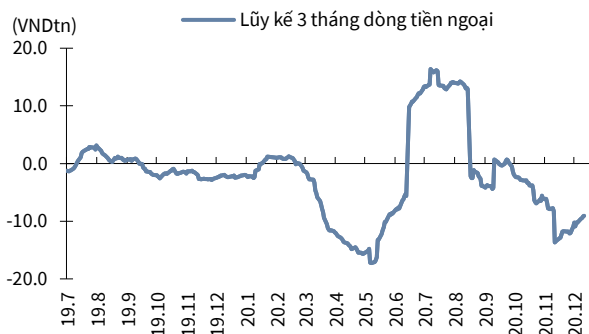
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

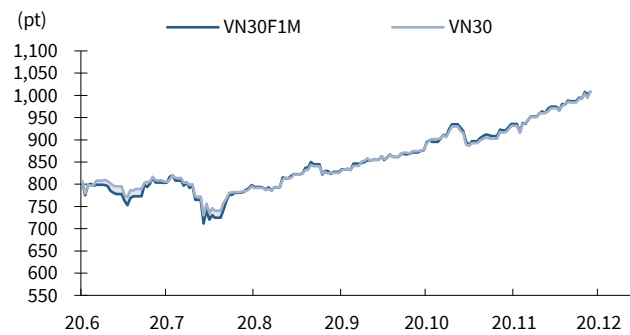
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,008.65 (+1.45%) |
| VN30F1M | 1,008.1 (+0.61%) |
| Mở cửa | 1,003.0 |
| Cao nhất | 1,009.4 |
| Thấp nhất | 998.6 |

HĐTL đảo chiều tăng điểm trở lại, tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK Châu Á trước kỳ vọng về vaccine Covid-19. Chênh lệch F2012 và VN30 mở cửa ở mức 8.72, giao động trong biên độ 0.0 và 3.5; trước khi đóng cửa ở giảm xuống mức -0.55 khi nhà đầu tư nội địa tăng vị thế SHORT vào cuối phiên. NĐTNN mua ròng nhẹ phiên hôm nay trong khi thanh khoản giảm nhẹ.

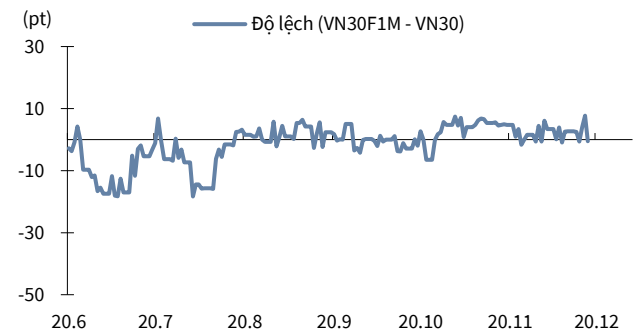
| | |
|------------------|------------------------|
| KLGD (HĐ) | 98,715 (-11.0%) |
|------------------|------------------------|

HĐTL VN30F1M & VN30



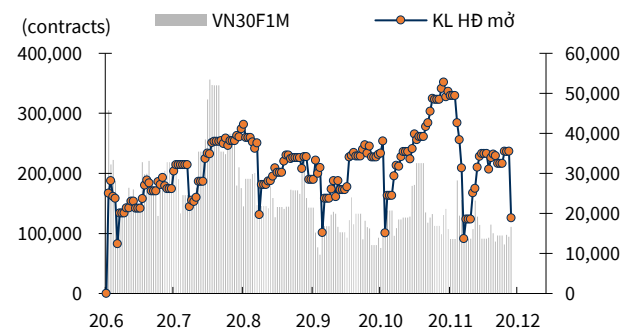
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



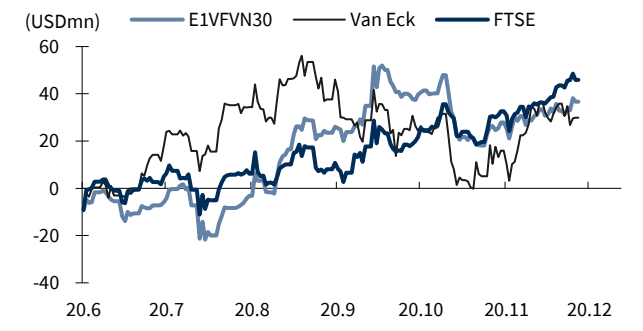
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

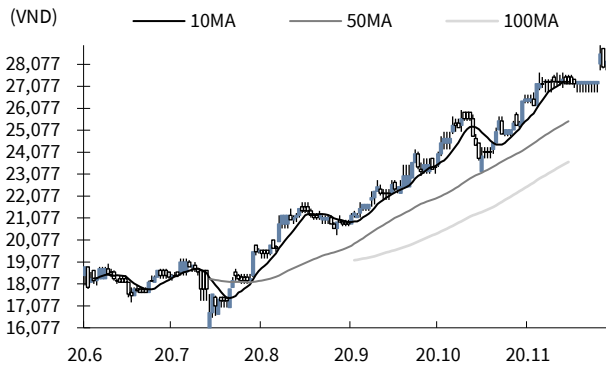
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

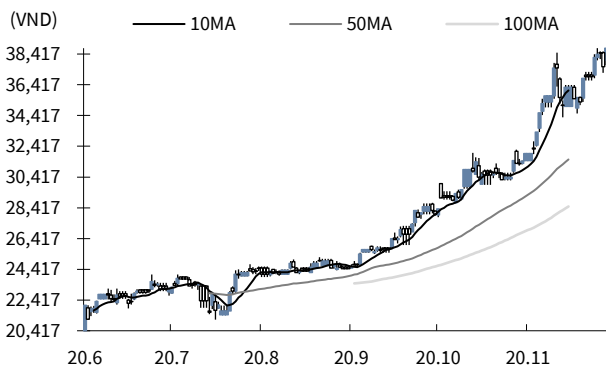
Ngân hàng Á Châu (ACB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ACB tăng 0.9% lên 28,200 VND/cp.
- Theo thông tin từ ACB, ngân hàng ghi nhận lãi trước thuế 11 tháng 8,723 tỷ đồng, vượt 14% kế hoạch năm. Tổng tài sản gần 428,000 tỷ, tăng 12% so với đầu năm. Huy động đạt 343,000 tỷ đồng, tăng 11.5%. Tín dụng đạt 305,000 tỷ, tăng trưởng 13.7%. Nợ xấu được kiểm soát dưới 1%.

Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 3.2% lên 38,800 VND/cp.
- HPG vừa có quyết định sẽ cơ cấu lại mô hình tổ chức. Trong đó, tập đoàn sẽ thành lập 4 tổng công ty phụ trách từng lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Tổng công ty Gang Thép, Tổng công ty Ống thép và Tôn mạ màu, Tổng công ty Phát triển Nông nghiệp, Tổng công ty Phát triển Bất động sản.
- Hòa Phát cũng dự kiến thoái vốn khỏi ngành nội thất trong năm 2021 do ngành này mang tính chất thủ công, kinh tế gia đình, sử dụng nhiều lao động phổ thông, không phù hợp mô hình sản xuất quy mô lớn của tập đoàn.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

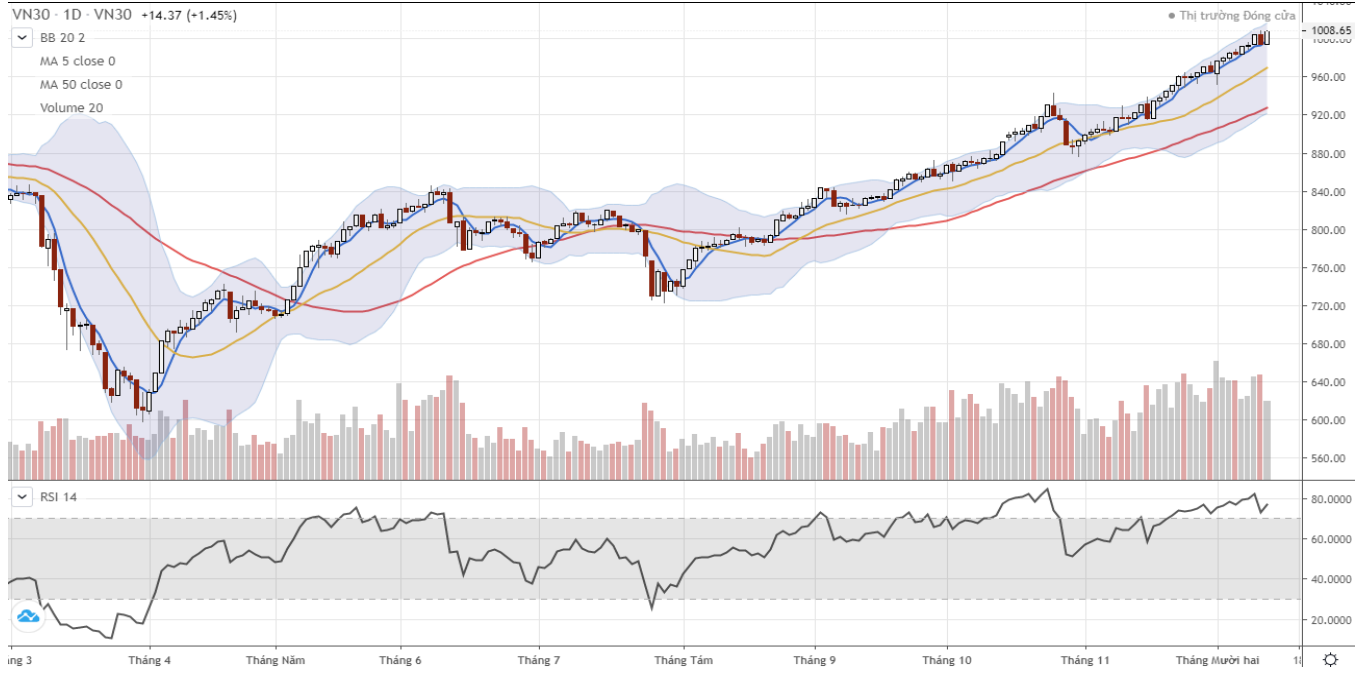
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co đầu phiên trước khi bật tăng mạnh và xác lập đỉnh mới về cuối phiên.
- Như vậy, chỉ số sẽ một lần nữa thử thách vùng kháng cự quanh 1050 (+5) và với khả năng hấp thụ áp lực phân phối khá tốt, khả năng tiếp cận cận trên của vùng kháng cự này đang được bỏ ngỏ. Điểm cần quan sát thêm là khối lượng giao dịch đang có chiều hướng giảm mặc dù chỉ số tiếp tục vượt đỉnh. Nếu điều này không được cải thiện trong những phiên tới, VNIndex sẽ có khả năng sớm bước vào nhịp điều chỉnh gối đầu, với áp lực lớn hơn sau nhịp vừa qua.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chờ nhịp điều chỉnh rõ nét hơn trước khi mở lại các trạng thái ngắn hạn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1015-1020

Kháng cự gần: 1011-1013

Hỗ trợ gần: 1003-1005

Hỗ trợ xa: 993-996

- F1 diễn biến giằng co đầu phiên trước khi bật tăng về cuối phiên, lấy lại hết số điểm đã mất trong phiên hôm qua.
- Với xung lực tăng điểm được giữ vững khá tốt, F1 đang có cơ hội hướng lên vùng kháng cự 1015-1020. Mặc dù vậy, rủi ro xuất hiện thêm nhịp điều chỉnh gồng đầu và mạnh hơn nhịp vừa qua vẫn đang hiện hữu.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT ở các vùng kháng cự nhưng đặt STOP chặt.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ mở lại vị thế SHORT qua đêm khi F1 tiến lên vùng kháng cự kế tiếp.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

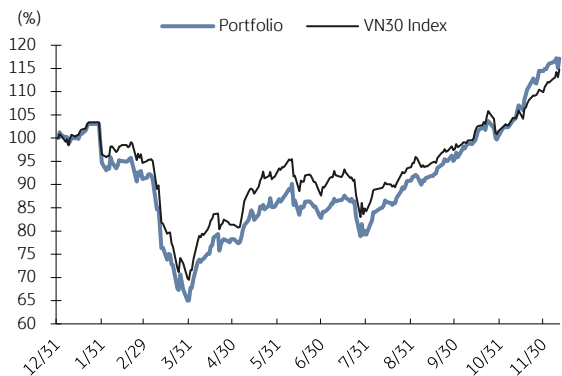
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 1.45% | 1.80% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 14.74% | 17.11% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 11/12/2020 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|--------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 114,300 | 0.4% | -1.4% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 29,400 | 0.0% | 20.2% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 77,400 | 6.0% | 1.0% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB) | 18/12/2018 | 21,500 | 2.1% | 25.4% | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 47,500 | 0.4% | 39.7% | - Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 57,000 | 0.9% | 70.3% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 01/31/2020 | 34,750 | 2.2% | 42.4% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 86,100 | 2.0% | 17.3% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 38,800 | 3.2% | 98.6% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbac City Development (KBC) | 09/03/2020 | 15,850 | 0.6% | 15.7% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VCB | 0.0% | 23.7% | 76.3 |
| VHM | 1.7% | 22.0% | 54.5 |
| VJC | 2.0% | 18.6% | 46.8 |
| HPG | 3.2% | 33.2% | 38.9 |
| VIC | 1.8% | 13.9% | 31.7 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| GMD | 3.2% | 46.0% | -218.1 |
| PAN | -1.8% | 41.5% | -20.4 |
| BVH | 1.4% | 28.5% | -17.7 |
| KDH | -0.2% | 39.1% | -12.7 |
| HDB | 0.0% | 16.8% | -12.2 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| SHB | 1.2% | 6.5% | 4.1 |
| PMC | -0.9% | 17.8% | 0.0 |
| BCC | 1.3% | 2.1% | 0.0 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| DXP | -0.6% | 11.8% | -0.7 |
| BVS | 4.7% | 22.1% | -0.6 |
| PLC | 0.8% | 1.2% | -0.0 |
| TAR | 0.5% | 0.3% | -0.0 |
| CTP | 0.0% | 0.9% | -0.0 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dịch vụ tài chính | 7.8% | SSI, HCM |
| Tài nguyên Cơ bản | 4.7% | HPG, HSG |
| Ngân hàng | 4.6% | VCB, BID |
| Dầu khí | 4.0% | PLX, PVD |
| Bảo hiểm | 3.7% | BVH, PGI |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | -4.9% | YEG, PNC |
| Ô tô và phụ tùng | -0.4% | TCH, HHS |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -0.2% | LGC, TMS |
| Bán lẻ | 0.3% | COM, PET |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 0.6% | BWE, NT2 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | 28.0% | HPG, POM |
| Hóa chất | 24.3% | GVR, PHR |
| Dịch vụ tài chính | 21.7% | SSI, HCM |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 18.1% | GAS, POW |
| Ngân hàng | 15.5% | VCB, BID |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | -0.2% | YEG, PNC |
| Ô tô và phụ tùng | 4.4% | SVC, HTL |
| Thực phẩm và đồ uống | 5.1% | MSN, NAF |
| Y tế | 5.2% | VMD, DBD |
| Bất động sản | 6.6% | BCM, DIG |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm) | GTGD (VNDtỷ, USDm) | Room còn lại (%, -1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|---------------------------------|-----|------------------|---------|--|--------------------------|-----------------------------|---------|------|--------------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 106,800 | 361,244 (15,619) | 90,014 (3.9) | 22.8 | 56.4 | 40.9 | 21.0 | 7.0 | 9.2 | 4.1 | 3.8 | 1.8 | 0.9 | 0.9 | -7.1 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 85,000 | 279,609 (12,089) | 224,149 (9.7) | 27.0 | 10.5 | 9.0 | 35.1 | 37.2 | 31.2 | 3.2 | 2.5 | 1.7 | 0.1 | 11.0 | 0.2 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 28,600 | 64,988 (2,810) | 145,993 (6.3) | 18.1 | 27.5 | 20.2 | -10.7 | 8.3 | 11.6 | 2.3 | 2.2 | 1.4 | 2.1 | 7.9 | -15.9 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 63,900 | 63,012 (2,724) | 97,543 (4.2) | 32.8 | 16.6 | 16.0 | 2.5 | 14.9 | 13.4 | 2.5 | 2.1 | 0.0 | 5.8 | 3.1 | 7.4 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 27,950 | 15,619 (675) | 54,099 (2.3) | 9.9 | 14.4 | 12.2 | 14.5 | 14.2 | 15.4 | 1.9 | 1.7 | -0.2 | 3.7 | 14.5 | 9.1 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 14,800 | 7,671 (332) | 92,144 (4.0) | 12.5 | 18.6 | 7.4 | -55.2 | 3.1 | 14.0 | 1.1 | 0.9 | 0.7 | -0.3 | 16.1 | 2.1 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 97,200 | 360,503 (15,587) | 91,096 (3.9) | 6.3 | 22.4 | 18.9 | 10.4 | 19.4 | 19.1 | 3.7 | 3.1 | 0.0 | 6.7 | 14.5 | 7.8 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 45,800 | 184,208 (7,964) | 100,270 (4.3) | 12.7 | 32.9 | 20.2 | -3.8 | 9.4 | 11.7 | 2.2 | 2.1 | 4.2 | 10.0 | 16.2 | -0.8 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 25,650 | 89,779 (3,882) | 427,874 (18.5) | 0.0 | 8.3 | 7.1 | 6.0 | 16.1 | 16.0 | 1.2 | 1.1 | 1.4 | 3.4 | 16.6 | 8.9 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 34,750 | 129,388 (5,594) | 313,969 (13.6) | 1.1 | 13.7 | 10.3 | 31.2 | 12.6 | 14.8 | 1.6 | 1.4 | 2.2 | 0.1 | 13.9 | 66.3 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 28,300 | 68,988 (2,983) | 192,112 (8.3) | 0.0 | 8.0 | 6.8 | 7.3 | 18.4 | 17.7 | 1.4 | 1.1 | 1.1 | 1.8 | 19.2 | 41.5 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 21,500 | 59,623 (2,578) | 270,051 (11.7) | 0.0 | 7.7 | 6.6 | 9.8 | 18.5 | 17.7 | 1.3 | 1.1 | 2.1 | 2.6 | 17.8 | 18.9 |
| | HDB | HDBANK | 22,250 | 35,461 (1,533) | 117,895 (5.1) | 4.7 | 7.8 | 6.6 | 24.7 | 19.2 | 19.0 | 1.4 | 1.2 | 0.0 | 2.5 | 9.5 | 33.3 |
| | STB | SACOMBANK | 15,800 | 28,498 (1,232) | 259,106 (11.2) | 14.5 | 16.3 | 12.7 | 11.5 | 7.2 | 8.5 | 1.0 | 0.9 | 1.6 | 1.3 | 16.2 | 57.2 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 22,300 | 23,006 (995) | 56,049 (2.4) | 0.0 | 6.8 | 6.2 | 35.0 | 22.3 | 20.1 | 1.4 | 1.1 | 0.5 | 1.8 | 12.8 | 29.4 |
| | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 17,100 | 21,023 (909) | 4,973 (0.2) | 0.0 | 24.7 | 28.1 | 13.6 | 5.3 | 4.4 | 1.3 | 1.2 | -0.6 | 0.3 | -0.9 | -3.9 |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 57,500 | 42,684 (1,845) | 53,245 (2.3) | 20.5 | 33.6 | 27.3 | 4.6 | 6.6 | 8.2 | 2.2 | 2.1 | 1.4 | 3.8 | 7.9 | -16.2 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 30,300 | 2,768 (120) | 17,522 (0.8) | 14.6 | 16.5 | 14.6 | 9.7 | 8.5 | 9.4 | 1.2 | 1.2 | -0.2 | -0.7 | 10.2 | 22.2 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 23,550 | 14,152 (612) | 149,342 (6.5) | 51.4 | 12.2 | 11.5 | -4.1 | 10.3 | 11.7 | - | - | 3.3 | 17.5 | 34.6 | 51.3 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 43,600 | 7,220 (312) | 44,756 (1.9) | 73.8 | - | - | - | 11.1 | 13.0 | - | - | 1.4 | -0.1 | 5.3 | 47.8 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 27,450 | 8,373 (362) | 102,679 (4.4) | 51.8 | - | - | - | 11.0 | 17.1 | - | - | 2.2 | 11.8 | 21.5 | 28.6 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 20,400 | 4,254 (184) | 42,487 (1.8) | 16.0 | - | - | - | 7.4 | 11.2 | - | - | 4.1 | 9.1 | 17.9 | 41.7 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 112,600 | 235,294 (10,173) | 244,866 (10.6) | 41.9 | 22.6 | 20.7 | 7.1 | 38.3 | 39.1 | 8.0 | 7.3 | 0.5 | 3.3 | 4.7 | 16.0 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 204,700 | 131,270 (5,676) | 24,958 (1.1) | 36.9 | 30.4 | 25.2 | 3.5 | 22.4 | 24.9 | 6.4 | 5.7 | 3.3 | 1.3 | 12.6 | -10.2 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 84,500 | 99,261 (4,292) | 86,921 (3.8) | 15.3 | 94.3 | 38.8 | -53.0 | 2.8 | 8.2 | 3.2 | 3.1 | 0.7 | -1.7 | -11.4 | 49.6 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 14,450 | 16,019 (693) | 53,628 (2.3) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | 0.3 | -1.7 | 30.2 | 4.0 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 122,200 | 64,013 (2,768) | 68,330 (3.0) | 11.4 | - | 29.4 | - | 0.1 | 19.7 | 4.4 | 3.9 | 2.0 | 3.1 | 7.4 | -16.4 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 31,100 | 9,234 (399) | 98,636 (4.3) | 3.0 | 22.9 | 20.5 | -53.3 | 6.8 | 7.4 | 1.5 | 1.5 | 3.2 | 8.0 | 23.2 | 33.5 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 18,750 | 4,478 (194) | 39,222 (1.7) | 41.1 | 9.9 | 9.3 | 135.9 | 9.1 | 8.9 | 0.9 | 0.8 | 1.9 | 3.0 | 10.0 | -16.7 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 2,170 | 1,232 (053) | 10,106 (0.4) | 46.8 | - | - | - | - | - | - | - | -0.5 | -1.8 | -3.1 | -87.5 |
| | GEX | VIETNAM ELECTRIC | 20,800 | 9,775 (423) | 168,808 (7.3) | 35.5 | 28.5 | 12.0 | -17.7 | 11.3 | 12.4 | - | - | 1.7 | 0.5 | 6.7 | 7.5 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 70,500 | 5,379 (233) | 75,542 (3.3) | 2.9 | 8.8 | 10.0 | -33.8 | 7.4 | 6.5 | 0.6 | 0.7 | 0.0 | 14.1 | 14.4 | 37.4 |
| | REE | REE | 47,500 | 14,727 (637) | 22,256 (1.0) | 0.0 | 9.6 | 8.7 | -9.0 | 13.6 | 13.8 | 1.3 | 1.2 | 0.4 | 1.1 | 12.2 | 30.9 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn) | GTGD (VNĐ triệu, USDmn) | Room còn lại (%, -1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|---------------------------------------|----------------------------|--------------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 86,100 | 164,791 (7,125) | 114,040 (4.9) | 45.9 | 20.4 | 17.4 | -14.2 | 17.0 | 18.4 | 3.3 | 3.2 | 2.0 | 0.7 | 17.6 | -8.1 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 23,600 | 6,794 (294) | 8,429 (0.4) | 29.9 | 10.5 | 10.0 | -7.3 | 14.3 | 16.5 | 1.6 | 1.6 | 0.0 | -0.8 | 1.9 | 9.0 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 24,300 | 7,791 (337) | 6,164 (0.3) | 33.6 | 9.4 | 8.9 | -14.3 | 14.2 | 14.7 | 1.3 | 1.2 | 1.9 | 1.9 | 9.2 | -9.7 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 38,800 | 128,555 (5,558) | 813,040 (35.1) | 15.8 | 11.4 | 9.5 | 15.0 | 20.7 | 20.6 | 2.2 | 1.9 | 3.2 | 5.0 | 24.0 | 98.1 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,850 | 6,985 (302) | 52,237 (2.3) | 36.0 | 10.2 | 10.8 | 7.1 | 9.6 | 8.7 | 0.8 | 0.8 | 0.6 | 3.5 | 2.6 | 37.8 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 12,500 | 6,618 (286) | 43,328 (1.9) | 46.2 | 11.6 | 15.8 | -1.5 | 10.1 | 7.7 | 1.0 | 1.1 | 0.0 | 1.6 | 1.2 | 92.3 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 20,700 | 9,197 (398) | 237,445 (10.3) | 36.8 | 8.5 | 7.2 | 71.2 | 15.4 | 15.5 | 1.2 | 1.0 | 4.0 | 12.5 | 16.3 | 178.3 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,950 | 2,872 (124) | 32,699 (1.4) | 97.5 | 6.2 | 7.2 | 47.6 | 13.3 | 10.5 | 0.7 | 0.6 | 0.8 | 1.2 | 14.6 | 7.1 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 53,000 | 64,597 (2,793) | 41,652 (1.8) | 4.3 | 56.8 | 18.1 | -42.9 | 5.0 | 15.1 | 2.7 | 2.4 | 2.7 | 4.3 | 8.5 | -5.4 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 13,550 | 5,706 (247) | 115,107 (5.0) | 39.4 | 45.1 | 46.9 | -8.3 | 0.8 | 0.8 | 0.4 | 0.4 | 3.0 | 0.4 | 12.4 | -10.0 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 13,250 | 4,288 (185) | 43,912 (1.9) | 32.6 | 8.7 | 8.0 | -9.6 | 10.5 | 10.6 | 0.9 | 0.8 | 1.5 | 3.1 | 6.2 | -9.3 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 114,300 | 51,733 (2,237) | 129,955 (5.6) | 0.0 | 13.7 | 10.3 | 11.6 | 27.1 | 28.7 | 3.4 | 2.7 | 0.4 | 0.4 | 5.8 | 0.3 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 77,400 | 17,425 (753) | 77,020 (3.3) | 0.0 | 18.0 | 14.7 | 3.4 | 21.6 | 23.8 | 3.5 | 3.0 | 6.0 | -1.4 | 7.6 | -10.0 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 44,700 | 1,398 (060) | 1,525 (0.1) | 70.3 | 18.8 | 13.7 | -28.1 | 6.7 | 8.5 | 1.2 | 1.1 | -1.5 | -5.7 | -1.5 | 20.8 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 25,450 | 2,010 (087) | 32,357 (1.4) | 20.9 | 17.1 | 12.0 | -48.9 | 6.7 | 12.2 | 1.4 | 1.2 | 1.8 | -0.8 | 13.1 | 20.9 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 62,000 | 8,401 (363) | 74,018 (3.2) | 36.1 | 8.5 | 7.8 | 25.2 | 36.4 | 31.8 | 2.8 | 2.4 | 2.5 | -5.1 | 0.2 | 62.3 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 105,200 | 13,754 (595) | 623 (0.0) | 45.2 | 18.3 | 18.0 | 13.6 | 21.4 | 20.3 | 3.6 | 3.4 | -0.1 | -0.5 | 1.2 | 15.0 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 78,000 | 5,851 (253) | 1,676 (0.1) | 29.9 | 16.6 | - | 7.3 | 16.4 | - | 2.7 | - | -2.0 | 3.9 | 8.2 | 43.6 |
| IT | FPT | FPT CORP | 57,000 | 44,683 (1,932) | 125,546 (5.4) | 0.0 | 13.0 | 11.3 | 19.1 | 22.7 | 23.5 | 2.7 | 2.4 | 0.9 | 2.3 | 7.5 | 12.4 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.